

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 8924/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 và Báo cáo số 669/BC-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2014 báo cáo tiếp thu, giải trình nội dung thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các Đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 như sau

1. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn: 39.000 - 40.000 tỷ đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư XDCB qua ngân sách tỉnh: 3.809.135 triệu đồng*).

a. Ngân sách Trung ương giao: 3.645.135 triệu đồng

- Trung ương hỗ trợ theo Luật Ngân sách: 1.018.920 triệu đồng
- + Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Luật ngân sách (vốn trong nước): 513.920 triệu đồng.
- + Thu cấp quyền SD đất: 500 tỷ đồng
- + Hỗ trợ doanh nghiệp công ích: 5 tỷ đồng
- Chương trình bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 1.007.100 triệu đồng
- Chương trình mục tiêu quốc gia: 268.880 triệu đồng

- Vốn nước ngoài (ODA): 214,25 tỷ đồng (Trong đó chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu (SPRCC): 110 tỷ đồng; chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học: 10,25 tỷ đồng)

- Trái phiếu Chính phủ: 1.135,985 tỷ đồng

b. Ngân sách tỉnh giao bổ sung: 164 tỷ đồng

Thu cấp quyền sử dụng đất giao bổ sung: 150 tỷ đồng

Thu từ xổ số kiến thiết: 14 tỷ đồng

Tổng số: 3.809, 135 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đền bù giải phóng mặt bằng, trả nợ vay xi măng xây dựng nông thôn mới, thu cấp quyền sử dụng đất phần huyện trực tiếp phân bổ: 460 tỷ đồng.

- Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp: 5 tỷ đồng (đưa vào chi sự nghiệp kinh tế)

- Vốn ODA thực hiện theo hiệp định đã ký kết: 214, 25 tỷ đồng

- Vốn đầu tư XDCB tập trung và trái phiếu chính phủ: 3.129, 885 tỷ đồng

2. Nguyên tắc bố trí chỉ tiêu kế hoạch:

a. Nguyên tắc chung:

- Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế- xã hội 5 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 339/2010/HĐND-XV ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch 5 năm 2011-2015, Nghị quyết 102/NQ- HĐND ngày 13/12/2013 về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014 và giai đoạn 2014-2015. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2015 với việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

- Thực hiện theo quy định Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán NSNN năm 2015, Công văn số 7642/BKHĐT-TH ngày 23/10/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn NSNN năm 2015; Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn NSNN giai đoạn 2011-2015

- Tập trung huy động tất cả các nguồn lực trên địa bàn bao gồm nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương (thu cấp quyền sử dụng đất, vượt thu, kết dư ngân sách, thu xổ số kiến thiết...) và khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để lồng ghép đảm bảo cân đối các nhu cầu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của tỉnh. Định hướng lồng ghép một số lĩnh vực như sau:

+ Tăng đầu tư so với kế hoạch năm 2014 các công trình trụ sở xã, trạm y tế xã, công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp lồng ghép vào chương trình xây dựng nông thôn mới và nguồn vượt thu, kết dư ngân sách năm 2014.

+ Các công trình thuộc đối tượng đầu tư theo Nghị quyết 30a và Quyết định 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ lồng ghép vào chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình hỗ trợ huyện nghèo theo Quyết định 293/QĐ-TTg

+ Vốn đối ứng các dự án ODA: ngoài vận động từ nguồn ngân sách trung ương là chủ yếu, phần đối ứng theo cam kết của tỉnh và các địa phương có dự án thì cân đối một phần từ kế hoạch đầu năm và cân đối từ nguồn vượt thu, kết dư ngân sách của năm 2014...

+ Vốn giải phóng mặt bằng: đối với các dự án đầu tư công, căn cứ cơ cấu nguồn vốn được phê duyệt, phần giải phóng mặt bằng thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp nào thì do cấp ngân sách cấp đó đảm bảo. Đối với các dự án sử dụng nguồn ngân sách Trung ương đã được Trung ương phê duyệt và chấp thuận thì vốn giải phóng mặt bằng được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương. Đối với dự án sử dụng ngân sách tỉnh thì cân đối trong vốn thực hiện dự án của ngân sách cấp tỉnh. Đối với dự án sử dụng ngân sách cấp huyện thì huyện phải chịu trách nhiệm bố trí vốn giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án; Đối với các dự án trọng điểm của tỉnh, các dự án phê duyệt để thu hút đầu tư thì cân đối bố trí vốn giải phóng mặt bằng từ nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng đầu năm và trích từ nguồn kết dư, vượt thu ngân sách của năm trước kế hoạch.

- Kế hoạch đầu tư năm 2015 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dần dần trái, nâng cao hiệu quả đầu tư theo quy định tại Chỉ thị 1792/TT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và TPCP; Thực hiện quy trình công khai, minh bạch trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2015. Các danh mục dự án được lựa chọn trên cơ sở đề xuất thứ tự ưu tiên của các ngành, các huyện. Phương án bố trí lồng ghép tất cả các nguồn để đảm bảo mặt bằng giữa các huyện, ngành và lĩnh vực.

- Cân đối vốn chuẩn bị đầu tư bố trí cho một số dự án cần thiết dự kiến khởi công mới để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án; Lập,

thẩm định, quyết định đầu tư dự án theo quy định Luật đầu tư công (bình quân không quá 500 triệu đồng/1 dự án).

b. Nguyên tắc cụ thể:

- Về danh mục dự án:

+ Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương: danh mục dự án trả nợ và chuyển tiếp phải nằm trong danh mục dự án đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao vốn năm 2012, 2013, 2014. Danh mục dự án khởi công mới phải có đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định hiện hành (quyết định phê duyệt dự án đầu tư trước ngày 31/10/2014 và có văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đồng ý cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương cho dự án từ năm 2015)

+ Đối với các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách của tỉnh, vốn xố số kiến thiết: danh mục dự án ưu tiên trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2014-2015 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2011-2015, các công trình mới bổ sung phải là các công trình thật sự cấp bách, đột xuất mới phát sinh chưa kịp xử lý trong kế hoạch trung hạn 2014-2015.

+ Không bố trí vốn bổ sung có mục tiêu nguồn ngân sách trung ương cho: Các dự án khởi công mới chưa được thẩm định nguồn vốn; các dự án phê duyệt quyết định đầu tư không đúng theo văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; không bố trí phần vốn điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Không bố trí vốn ngân sách trung ương cho các dự án sử dụng vốn vay ngân sách địa phương chưa thẩm định vốn hoặc phê duyệt phần vốn ngân sách trung ương cao hơn mức đã thẩm định.

- Về thứ tự ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án:

+ Theo đối tượng được bố trí và thẩm quyền, tập trung ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, hỗ trợ ngư dân phát triển đánh bắt và các dịch vụ trên biển, gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; các công trình khắc phục hậu quả bão lụt; các công trình thiết chế văn hóa, vệ sinh trường học, an sinh xã hội, phát triển nông nghiệp, nông thôn...; các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương. Đồng thời chuẩn bị hạ tầng để triển khai một số công trình quy mô lớn.

+ Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản ứng trước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

+ *Đối với các dự án hoàn thành, dự án quyết toán:*

Trả nợ cho dự án hoàn thành có quyết toán (được phê duyệt trước ngày 31/10/2014) thực hiện theo tiến độ đã xác định trong kế hoạch hàng năm, theo khả năng nguồn vốn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh. Đối với các hạng mục, gói thầu có quyết toán chủ đầu tư ưu tiên bố trí trong tổng mức chung bố trí cho dự án.

Ưu tiên trả nợ khối lượng trong kế hoạch theo tổng mức đầu tư được xác định từ chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án ban đầu và phân bổ sung do điều chỉnh tăng giá theo quy định.

+ *Đối với các dự án chuyển tiếp:*

Ưu tiên bố trí vốn các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2015); vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án;

Bố trí hoàn trả các khoản vốn ứng trước theo đúng quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)

Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt. Đối với các dự án chuyển tiếp đặc biệt là các dự án kéo quá dài thời gian so với quy định cần rà soát phạm vi, quy mô đầu tư để điều chỉnh dự án cho phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng theo đúng quy định của Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Mức vốn bố trí cho các dự án theo quy mô đầu tư ban đầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 345/2010/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, chỉ bố trí tối đa đến 80% tổng mức đầu tư hoặc đến 85% tổng giá các gói thầu chính hoặc dự toán được duyệt theo cơ cấu nguồn vốn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để hoàn thành dự án. Riêng Chương trình hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ (trừ phần cơ cấu từ ngân sách địa phương) và Chương trình mục tiêu quốc gia (trừ chương trình giảm nghèo bền vững) do năm 2015 là năm kết thúc giai đoạn 2011-2015 nên không áp dụng nguyên tắc này.

+ *Đối với các dự án khởi công mới*, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(1) Nằm trong quy hoạch đã được duyệt;

(2) Đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách; Các ngành, các huyện đề xuất công trình khởi công mới phải kèm theo văn bản cam kết phân bổ vốn cân đối của ngành và địa phương cho cả dự án và riêng năm 2015 để đảm bảo quy định. Chỉ được lập và phê duyệt kế hoạch đấu thầu khi đảm bảo đủ tỷ lệ nguồn vốn theo quy định của Chỉ thị 1792/CT-TTg (có quyết định phân bổ chỉ tiêu vốn của từng cấp ngân sách).

(3) Quyết định phê duyệt dự án trước ngày 31 tháng 10 năm 2014;

(4) Đã bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

(5) Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư, không sử dụng ngân sách cấp trên cho nhiệm vụ chi của ngân sách cấp dưới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(6) Ngân sách tỉnh không bố trí phần vốn mà Ủy ban nhân dân cấp dưới, chủ đầu tư đã bố trí vốn cho dự án và cơ cấu nguồn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(7) Riêng đối với chương trình mục tiêu quốc gia chỉ bố trí cho các dự án dở dang, không bố trí vốn khởi công các dự án mới (trừ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững)

Riêng đối với một số chương trình đặc thù thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo NQ 30a:* Ngoài thực hiện theo các nguyên tắc ở trên, phải đảm bảo các nguyên tắc riêng như sau:

+ Các công trình được phân bổ vốn phải có trong đề án 30a của các huyện xây dựng; Lựa chọn danh mục, lồng ghép các nguồn vốn để triển khai thực hiện các chương trình theo đúng Thông tư Liên tịch số 10/2009/TTLT-BKH-BTC ngày 30/10/2009 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về việc quy định lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với công trình cấp huyện, cấp xã thứ tự ưu tiên đáp ứng khoản 2 mục D- Chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008.

+ Đối với công trình khởi công mới: chỉ bố trí khi đã cân đối bố trí đủ chỉ tiêu vốn cho các công trình quyết toán và công trình tiếp tục; xử lý nợ; các công trình có hiệu quả kinh tế - xã hội cao); việc bố trí vốn dự án khởi công phải cân nhắc kỹ lưỡng, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách đáp ứng các tiêu chí sau:

(1) Nằm trong quy hoạch được duyệt thuộc nhiệm vụ vốn chương trình mục tiêu quốc gia.

(2) Đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách để đảm bảo dự án thi công đúng tiến độ, không bị dở dang gây lãng phí, thất thoát vốn ngân sách nhà nước.

(3) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư được duyệt trước ngày 31/10/2014. Chỉ xem xét bố trí vốn cho các công trình đã thẩm định nguồn vốn theo đúng quy định.

- *Chương trình Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn* thực hiện theo đúng đối tượng và cơ chế hỗ trợ quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

- *Trái phiếu Chính phủ*: Đối với các dự án giao thông, thủy lợi, y tế thì bố trí đủ vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2015 cho các dự án không được bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016; Thanh toán nợ xây dựng cơ bản; Tập trung vốn cho các dự án đã hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng, các dự án còn thiếu ít vốn hoàn thành 2015-2016; Mức vốn bố trí cho từng dự án không được vượt quá mức vốn kế hoạch hoặc kế hoạch điều chỉnh (nếu có) của giai đoạn 2012-2015 và số vốn bổ sung giai đoạn 2014-2016.

Đối với các chương trình, dự án ODA phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Chỉ bố trí vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2015 cho các dự án Ngân sách Trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng. Đối với các dự án khởi công mới hoặc dự án chuyển tiếp nhưng chưa được bố trí vốn đối ứng ngân sách trung ương và trái phiếu Chính phủ trong các kế hoạch năm trước của các địa phương phải được thẩm định vốn theo quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ.

+ Vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA kế hoạch năm 2015 nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và bảo đảm các cam kết trong các Hiệp định đã ký và tiến độ, thực hiện các chương trình, dự án thật sự cần thiết và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này.

+ Vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA để tập trung thực hiện các công việc: giải phóng mặt bằng; nộp thuế nhập khẩu, thuế VAT; xây dựng phần vỏ để đồng bộ với tiến độ nhập khẩu thiết bị, máy móc từ nguồn vốn nước ngoài;...

+ Mức vốn đối ứng cho các dự án của các địa phương không được vượt quá tổng mức đối ứng nguồn ngân sách Trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011-2015.

+ Không bố trí vốn đối ứng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ cho các chương trình, dự án ODA trong quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc trong hiệp định ký kết quy định phần vốn đối ứng sử dụng các nguồn vốn khác, không thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương.

3. Phương án phân bổ:

a. Nguồn Ngân sách Trung ương và Trái phiếu Chính phủ:

- Nguồn Ngân sách TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu: 1.007,1 tỷ đồng

Đơn vị tính : triệu đồng

TT	Chương trình	TH 2014	KH 2015	
			KH 2015 Theo cv 7642/BK HĐT-TH	Đã ứng trước 2015 Theo cv 7395/BK HĐT-TH
	Tổng cộng	874.800	1.007.100	150.000
1	Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng	205.800	211.300	50.000
	<i>Trong đó: Hỗ trợ các trường đại học lớn ở địa phương</i>	<i>15.000</i>	<i>10.000</i>	
2	Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản	13.000	16.000	
3	Chương trình phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản	11.000	20.000	
4	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển và hệ thống đê sông	73.000	100.000	20.000
5	Khu neo đậu và tránh trú bão cho tàu thuyền	24.000	37.000	
6	Chương trình bố trí sắp xếp dân cư nơi cần thiết	7.000	17.000	
7	Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo QĐ 755/QĐ-TT (chương trình 134 kéo dài)	5.000	8.000	
8	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển	134.000	205.000	
9	Hỗ trợ đầu tư khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn	20.000	10.000	
10	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp các địa phương có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn	6.500	9.800	
11	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Trung, Việt Nam Lào và Việt Nam-Campuchia	13.500	13.500	
12	Đầu tư hạ tầng vùng ATK	35.000	33.000	

13	Chương trình quản lý, bảo vệ biên giới	15.000	30.000	
14	Chương trình khắc phục hậu quả bom mìn theo QĐ 504/QĐ-TTg ngày 21/4/2010 của TTCP	10.500	12.000	
15	Hỗ trợ đầu tư các huyện mới chia tách	86.000	90.000	20.000
16	Hỗ trợ các trung tâm giáo dục, lao động xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí	16.000	6.000	
17	Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện	53.000	5.000	40.000
18	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch	20.000	21.500	
19	Phát triển và bảo vệ rừng bền vững	35.000	60.000	10.000
20	Đề án tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng		4.000	
21	Các dự án cấp bách khác của địa phương	45.000	70.000	
22	Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)		10.000	
23	Chương trình hỗ trợ huyện nghèo theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		18.000	
24	Hỗ trợ vốn đối ứng ODA các tỉnh khó khăn			
25	Hỗ trợ đầu tư trụ sở xã			
26	Chương trình hỗ trợ các tỉnh chịu thiệt hại bão lũ lụt miền trung	30.000		10.000
27	Chương trình di dân, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số	16.500		

- Nguồn Trái phiếu Chính phủ:
 Tổng số 1.135,985 tỷ đồng, trong đó:
 + Giao thông: 590,843 tỷ đồng;
 + Y tế: 433 tỷ đồng trong đó thu hồi ứng 200 tỷ đồng;
 + Thủy lợi: 20,142 tỷ đồng;
 + Đối ứng các chương trình, dự án ODA: 92 tỷ đồng trong đó thu hồi ứng 92 tỷ đồng.

b. Nguồn Trung ương hỗ trợ đầu tư:

- Nguồn vốn TW hỗ trợ cân đối theo luật ngân sách: 513,92 tỷ đồng
- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 268,880 tỷ đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chương trình	TH 2014	KH 2015
Tổng cộng	247.190	268.880
1. Chương trình Giảm nghèo bền vững	203.250	232.880
- Dự án: hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo		
+ Huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a	74.850	77.080
+ Trong đó xã bãi ngang ven biển và hải đảo	12.000	12.000
- Dự án: hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn	116.400	143.800
2. Chương trình Nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn	27.450	16.700
3. Chương trình Văn hoá	3.000	3.000
- Dự án: chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích lịch sử	3.000	
4. Chương trình Giáo dục và đào tạo	9.990	11.800
- Dự án: hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm	9.990	
5. Chương trình Phòng, chống HIV/AIDS	2.000	3.000
- Dự án: tăng cường năng lực cho các Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	2.000	
6. Chương trình Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo	1.500	1.500
- Dự án tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	1.500	

- Nguồn Ngân sách địa phương:

+ Tổng nguồn thu cấp quyền sử dụng đất tỉnh giao là 650 tỷ đồng trong đó:

Chi đền bù GPMB, trả nợ vay, thu cấp quyền sử dụng đất phân huyện trực tiếp phân bổ: 460 tỷ đồng. Ngân sách tỉnh trực tiếp phân bổ 190 tỷ đồng.

+ Tổng nguồn thu xổ số kiến thiết là 14 tỷ đồng dành bố trí cho các công trình giáo dục, y tế.

Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh trực tiếp phân bổ là 204 tỷ đồng

c. Danh mục công trình cụ thể:

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

4. Chuẩn bị kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

IV. Chuẩn bị Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

Đồng ý Báo cáo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 về nguyên tắc và tiêu chí làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định theo quy định tại Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và dự kiến nguồn lực đầu tư giai đoạn 2016-2020, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 theo đúng quy định.

Điều 2. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển

a) Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 các ngành gắn Bộ ngành TW để phê duyệt chính sách hỗ trợ của Trung ương cho Nghệ An như: khu công nghiệp Hoàng mai, Đông Hội được hưởng ưu đãi đầu tư gắn khu kinh tế; Chính sách khu nông nghiệp công nghệ cao Nghĩa Đàn; chính sách vùng miền tây Nghệ An... Các ngành theo phân công làm việc với các Bộ, Ngành TW tiếp tục vận động để tăng chỉ tiêu kế hoạch nhất là nguồn trái phiếu Chính phủ và vốn đối ứng ODA, chương trình Nông thôn mới.

b) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông qua thực hiện đồng bộ 8 nhóm giải pháp đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Các ngành, các cấp theo chức năng nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo để triển khai các dự án thu hút đầu tư đã được ký kết, đốc thúc và chịu trách nhiệm về vận động xúc tiến đầu tư các lĩnh vực được phân công phụ trách. Làm tốt quy hoạch hạ tầng để tạo quỹ đất, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, cung cấp dịch vụ hạ tầng, cung cấp lao động theo yêu cầu để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Nghệ An. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực cho các dự án đã và đang triển khai thực hiện trên địa bàn. Giải quyết các dự án vướng mắc còn tồn đọng, rà soát kiểm tra các dự án chậm tiến độ để có giải pháp chấn chỉnh hoặc thu hồi để chuyển giao cho nhà đầu tư mới, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các đơn vị liên quan để có biện pháp xử lý.

c) Đối với nguồn vốn ODA: tăng cường năng lực quản lý và sử dụng vốn ODA, ưu tiên bố trí vốn đối ứng theo đúng cam kết, đẩy nhanh tiến độ giải ngân để tạo niềm tin cho các nhà tài trợ; Ngoài vận động từ nguồn ngân sách trung ương là chủ yếu, phân đối ứng theo cam kết của tỉnh và các địa phương có dự án thì cân đối một phần từ kế hoạch đầu năm và cân đối từ nguồn vượt thu, kết dư ngân sách của năm trước kế hoạch...

d) Đẩy mạnh chính sách xã hội hóa đầu tư phát triển trên các lĩnh vực giao thông nông thôn, kiên cố hoá kênh mương, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, khắc phục môi trường... ;

đ) Triển khai có hiệu quả các giải pháp tạo nguồn thu, tăng thu ngân sách đảm bảo vượt chỉ tiêu để tăng cân đối chi XDCB, chống thất thu, tiết kiệm chi, chống thất thoát trong đầu tư để tạo nguồn phục vụ cho đầu tư phát triển, tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh.

2. Tăng cường công tác giải phóng mặt bằng để thu hút đầu tư, đồng thời với bố trí các nguồn lực phục vụ cho đền bù giải phóng mặt bằng

a) Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cho các dự án đảm bảo đúng tiến độ dự án được duyệt. Quản lý tốt mặt bằng sau khi được bàn giao để triển khai xây dựng.

b) Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc bố trí nguồn lực cho giải phóng mặt bằng: đối với các dự án đầu tư công, căn cứ cơ cấu nguồn vốn được phê duyệt, phần giải phóng mặt bằng thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp nào thì do cấp ngân sách cấp đó đảm bảo. Đối với các dự án sử dụng nguồn ngân sách Trung ương đã được Trung ương phê duyệt và chấp thuận thì vốn giải phóng mặt bằng được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương. Đối với dự án sử dụng ngân sách tỉnh thì cân đối trong vốn thực hiện dự án của ngân sách cấp tỉnh. Đối với dự án sử dụng ngân sách cấp huyện thì huyện phải chịu trách nhiệm bố trí vốn giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án; Đối với các dự án trọng điểm của tỉnh, các dự án phê duyệt để thu hút đầu tư thì cân đối bố trí vốn giải phóng mặt bằng từ nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng đầu năm và trích từ nguồn kết dư, vượt thu ngân sách của năm trước kế hoạch.

3. Thực hiện Luật đầu tư công và các Chỉ thị 1792/CT-TTg, 13/CT-TTg, 14/CT-TTg, 27/CT-TTg về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

a) Tiếp tục rà soát các dự án có chủ trương đầu tư, dự án dở dang... phân theo từng nguồn vốn trung ương, tỉnh, huyện, xã để có giải pháp xử lý theo Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

b) Đẩy mạnh việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục rà soát, thống kê, phân loại nợ, xác định rõ nợ trong kế hoạch, nợ ngoài kế hoạch, trách nhiệm trả nợ của từng cấp ngân sách theo cơ cấu nguồn vốn tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và trách nhiệm gây ra nợ đọng ngoài kế hoạch để có phương án xử lý trong kế hoạch trung hạn 2016-2020.

c) Tiếp tục quán triệt, phổ biến Luật đầu tư công, Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị liên quan để nắm vững các nội dung mới, triển khai thực hiện đúng quy định và có hiệu quả.

d) Xây dựng tiêu chí xác định dự án nhóm C trọng điểm trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để thực hiện các quy trình theo quy định của Luật đầu tư công.

4. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch, chuẩn bị đầu tư và chính sách phát triển đồng bộ với quản lý;

a) Nâng cao chất lượng dự án quy hoạch gắn với việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch. Rà soát lại quy hoạch theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 gắn tái cơ cấu nền kinh tế.

b) Tăng cường kỷ cương trong đầu tư công. Xác định đối tượng, tiêu chí và thứ tự ưu tiên để làm cơ sở trong phê duyệt, bố trí vốn hay từ chối, cắt giảm các dự án. Kiên quyết khắc phục tình trạng quá nhiều dự án vượt quá khả năng cân đối, xác định đối tượng dự án kêu gọi doanh nghiệp đầu tư và xã hội hóa.

c) Bố trí nguồn lực trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí đã duyệt và đúng đối tượng đã xác định; Khắc phục tình trạng phân bổ nguồn lực dàn trải, sai đối tượng, cơ cấu nguồn vốn đã được xác định trong chủ trương đầu tư và quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền. Rà soát quy hoạch, các chương trình dự án tập trung đầu tư theo các chương trình, dự án đã xác định trên cơ sở bảo đảm cân đối nguồn lực để sớm phát huy hiệu quả, giảm thất thoát, lãng phí.

d) Thay đổi chính sách, cơ chế quản lý, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật vừa đảm bảo thống nhất quản lý vừa phát huy tính tự chủ của địa phương để giảm phát sinh nợ đọng trong XDCB, khắc phục dần đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả trong đầu tư.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đôn đốc báo cáo tiến độ trong điều hành XDCB

a) Tập trung chỉ đạo chủ đầu tư quản lý công trình, làm hồ sơ giải ngân và thực hiện quyết toán kịp thời.

b) Tăng cường kiểm tra, thanh tra, đôn đốc tất cả các khâu trong quy trình quản lý đầu tư và xây dựng từ chủ trương đầu tư, lập và thẩm định dự án đầu tư, công tác đấu thầu, thực hiện dự án và thanh quyết toán công trình đưa vào sử dụng (bằng cơ chế cụ thể).

6. Tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết TW 3 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về phòng chống thất thoát, tham nhũng trong XDCB.

a) Thực hiện đúng quy trình thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

b) Nâng cao trách nhiệm của cơ quan tham mưu, tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

c) Tăng cường giám sát cộng đồng theo Quyết định 80/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong việc triển khai thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng trong XDCB. Xử lý nghiêm, kịp thời, đúng pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh căn cứ vào Nghị quyết và danh mục, chỉ tiêu vốn đã được HĐND tỉnh thông qua để giao chỉ tiêu kế hoạch đúng và kịp thời; Chỉ đạo các ngành, các huyện, thành, thị đôn đốc các chủ đầu tư để khẩn trương triển khai thực hiện ngay từ đầu năm, đảm bảo khối lượng thực hiện và giải ngân hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.

Giao Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban, các Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- VP Quốc hội; VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch – Đầu tư, Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Châu